

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24-11-2021
V/v *Tranh chấp ly hôn và nuôi con*
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Quyền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Diệt và bà Lê Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền, Cán bộ Tòa án.

- Đại diện VKSND huyện P tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đức Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 24/11/2021, tại trụ sở; Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ dân sự thụ lý số: 58/2021/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp “*Ly hôn và nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/11/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị C, sinh năm 1989; “vắng mặt”

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã M, huyện P, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: thôn H, xã M, huyện P, tỉnh H.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thế Đ, sinh năm 1988; “vắng mặt”

Hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã M, huyện P, tỉnh H;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Cháu Nguyễn Diệu T, sinh ngày 20/12/2015; “vắng mặt”

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã M, huyện P, tỉnh H;

Người đại diện theo pháp luật cho cháu T: Anh Nguyễn Thế Đ và chị Bùi Thị C là bố mẹ đẻ của cháu.

4. *Người làm chứng:*

+ Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1969; “vắng mặt”

Địa chỉ: thôn A, xã M, huyện P, tỉnh H;

+ Bà Đoàn Thị V, sinh năm 1960; “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện P, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Bùi Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C kết hôn với anh Nguyễn Thế Đ và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện P, tỉnh H vào ngày 13/11/2014 theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, ngay thời gian đầu vợ chồng chị sống với nhau đã không có tình cảm, không có hạnh phúc, bản thân anh Đ sống rất hời hợt, lạnh nhạt, vô tâm vì lý do trước đó anh Đ đã yêu người khác và sau khi kết hôn anh Đ vẫn còn Vg vẫn tình cảm với người con gái đó nên anh Đ không dành tình cảm thật sự cho chị. Trong cuộc sống hàng ngày do bất đồng quan điểm, tính cách, suy nghĩ của vợ chồng chị không hòa hợp, anh Đ nóng tính nên những khi vợ chồng có va chạm là anh Đ chửi và đánh đập chị rất thậm tệ. Ngoài nguyên nhân trên thì mâu thuẫn của vợ chồng chị còn phát sinh từ vấn đề kinh tế, vợ chồng chị làm chuồng trại chăn nuôi lợn và buôn bán cám chăn nuôi nhưng do không thuận lợi dẫn đến thua lỗ, nợ nần nhưng anh Đ phó mặc, không có trách nhiệm gì với các khoản nợ chung của vợ chồng mà chỉ một mình chị phải đứng ra lo trả nợ hết. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đỉnh điểm vào tháng 3 năm 2019, gia đình nhà chồng gây khó dễ cho chị trong việc vay vốn ngân hàng, lý do trước đó gia đình nhà chồng có cho vợ chồng chị mượn giấy tờ nhà đất để đi thế chấp ngân hàng, đến thời hạn đáo nợ thì gia đình nhà chồng không cho mượn giấy tờ nhà đất để thế chấp nữa trong khi vợ chồng chị làm ăn thua lỗ rất cần vốn để thanh toán các khoản nợ. Do mâu thuẫn căng thẳng nên tháng 9 năm 2019 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn H, xã M sinh sống, đến tháng 8 năm 2020 vợ chồng chị lại quay lại chung sống với nhau nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện mà mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Tháng 5 năm 2021 chị và anh Đ lại tiếp tục sống ly thân nhau, mỗi người ở một nơi, không ai còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thế Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Diệu T, sinh ngày 20/12/2015. Ly hôn, chị có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/10/2021 bị đơn anh Nguyễn Thế Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị C kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M vào ngày 13/11/2014 theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, anh và chị C chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 05 năm đầu thì nảy sinh mâu thuẫn do vấn đề làm ăn kinh tế, anh không hiểu chị C bán cám chăn nuôi như thế nào mà thua lỗ hơn 500.000.000 đồng, anh có khuyên ngăn nhưng chị C không nghe; chị C còn ép buộc anh chuyển đi vùng khác sinh sống và làm ăn nhưng anh không đồng ý vì điều kiện kinh tế của vợ chồng không có trong khi đó ở quê thì vợ chồng vẫn có nhà cửa để ở. Ngoài ra, chị C cư xử với bố mẹ

anh rất kém, thiếu tôn trọng bố mẹ anh, khi bố mẹ anh không đồng ý vay vốn hộ thì chị C tỏ thái độ, gặp mặt bố mẹ anh cũng không chào hỏi gì. Tháng 9 năm 2019 vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn do vấn đề kinh tế thì chị C đã thu dọn đồ bỏ về nhà bố mẹ đẻ, anh và chị C không liên lạc với nhau khoảng 01 tháng sau đó vì nghĩ thương vợ con nên anh chuyển sang chung sống cùng chị C tại khu ruộng chuyển đổi của bố mẹ chị C. Vợ chồng anh chung sống đến khoảng tháng 4, tháng 5 năm 2021 vợ chồng anh lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, anh đã về nhà bố mẹ đẻ anh, vợ chồng anh sống ly thân từ tháng 4, tháng 5 năm 2021, cho đến nay không ai còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay chị C có đơn xin ly hôn, anh nhận thấy không thể chung sống cùng với chị C được nữa nên anh cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh và chị C có 01 con chung là cháu Nguyễn Diệu T, sinh ngày 20/12/2015. Ly hôn, anh có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp chị C cam kết nuôi được con thì anh nhất trí giao con chung cho chị C nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Anh và chị C không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng

+ Bà Đoàn Thị V (mẹ đẻ chị C) trình bày:

Quá trình C, anh Đ chung sống cùng nhau bà thấy hai anh chị tình cảm bình thường, thi thoảng có xảy ra mâu thuẫn cãi nhau do hai anh, chị bất đồng quan điểm sống, anh Đ có tính chấp nết và nóng tính nên khi vợ chồng có xảy ra cãi nhau là anh Đ lại đánh đập chị C. Ngoài ra, còn do vấn đề về kinh tế, vợ chồng chị C đầu tư chuồng trại chăn nuôi và buôn bán cám chăn nuôi nhưng do không thuận lợi nên thua lỗ dẫn đến nợ nần nhưng anh Đ không hề có trách nhiệm gì mà đùn đẩy hết trách nhiệm cho chị C phải đứng ra trả nợ hết. Khoảng tháng 8 năm 2020 do vợ chồng mâu thuẫn nên chị C đã về nhà bà ở khoảng hai tháng, sau đó vợ chồng lại về đoàn tụ nhưng sau đó vẫn xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ cuối tháng 5 năm 2021 cho đến nay. Từ khi chị C và anh Đ sống ly thân đến nay hai anh chị không còn liên quan gì đến nhau nữa. Nay chị C có đơn xin ly hôn anh Đ, đây là quyền của hai anh, chị tự quyết định, gia đình bà không có ý kiến gì.

+ Bà Hoàng Thị T (mẹ đẻ anh Nguyễn Thế Đ) trình bày:

Quá trình anh Đ, chị C chung sống bà không thấy hai anh chị có biểu hiện gì, đến khoảng tháng 9 năm 2019 xảy ra sự việc chị C đi vay tiền làm ăn nhưng không cho anh Đ và gia đình bà biết. Chị C có nói với gia đình bà đi vay ngân hàng hộ chị C 100.000.000 đồng, vì tin tưởng nên gia đình bà có thể chấp quyền sử dụng đất tại ngân hàng để vay vốn hộ chị C nhưng khi thấy chị C nợ nần nhiều, gia đình bà có đến hỏi ngân hàng thì được biết chị C đã vay 500.000.000 đồng chứ không phải là 100.000.000 đồng. Sau đó chị C còn đi vay tiền ngoài xã hội 500.000.000 đồng để trả nợ cho ngân hàng. Khi biết sự việc trên gia đình bà đã không vay hộ vốn cho chị C nữa. Khoảng tháng 9 năm 2019 chị C tự ý dọn quần áo bỏ về nhà bố mẹ đẻ và không quay về nhà bà sinh sống nữa. Từ khi gia đình bà không vay hộ vốn thì chị C tỏ thái độ gặp vợ chồng bà, chị C không chào hỏi gì. Nay chị C có

đơn xin ly hôn anh Đ, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị C, anh Đ. Vợ chồng chị C, anh Đ có 01 con chung như chị C, anh Đ trình bày. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Vợ chồng chị C, anh Đ không có gì, trong thời gian chung sống cùng gia đình bà, vợ chồng chị C, anh Đ không có công sức đóng góp gì, không liên quan gì đến tài sản của gia đình bà nên bà không có yêu cầu, đề nghị gì về vấn đề tài sản.

- Ủy ban nhân dân xã M cung cấp thông tin: Chị Bùi Thị C và anh Nguyễn Thế Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã ngày 13/11/2014 theo quy định của pháp luật. Năm bắt tình hình tại địa phương được biết hai anh, chị có mâu thuẫn nhưng cụ thể về vấn đề gì thì địa phương không nắm bắt được. Hiện tại chị C và anh Đ sống ly thân nhau, chị C về nhà bố mẹ đẻ ở H sinh sống.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị C, bị đơn anh Đ đều vắng mặt và đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện P phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về đường lối giải quyết: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị C, cho chị C được ly hôn với anh Nguyễn Thế Đ. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Diệu T, sinh ngày 20/12/2015 cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Bùi Thị C phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền: Chị Bùi Thị C và anh Nguyễn Thế Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện P vào ngày 13/11/2014 theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Thế Đ có hộ khẩu và hiện đang sinh sống tại thôn A, xã M, huyện P, tỉnh H; chị C có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Đ, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý vụ án, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả xác minh tại UBND xã M có căn cứ xác định chị Bùi Thị C và anh Nguyễn Thế Đ kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh Đ là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, 05 năm đầu hai anh chị tình cảm bình thường, đến khoảng tháng 3 năm 2019 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế, vợ chồng không có sự bàn bạc thống nhất dẫn đến làm ăn thua lỗ ảnh hưởng đến kinh tế gia đình cũng như tình cảm của vợ chồng. Do mâu thuẫn nên chị C và anh Đ đã có thời gian sống ly thân sau đó lại về với nhau nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, đến khoảng tháng 5 năm 2021 chị C và anh Đ tiếp tục sống ly thân từ đó cho đến nay mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau nữa. Chị C có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Đ, anh Đ cũng xác định không thể tiếp tục chung sống cùng chị C được nữa nên anh cũng nhất trí ly hôn. HĐXX nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị C có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Đ là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị C và anh Nguyễn Thế Đ đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Diệu T, sinh ngày 20/12/2015. Ly hôn, chị C và anh Đ đều có nguyện vọng xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, ngày 04/11/2021 anh Đ lại thay đổi quan điểm nếu chị C cam kết nuôi được con thì anh nhất trí giao con chung cho chị C nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy: Việc giao con chưa thành niên cho người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên như điều kiện vật chất, giới tính, lứa tuổi. Anh Đ trình bày, anh làm nghề lái xe, thu nhập bình quân 10.000.000 đồng/tháng, Tòa án đã yêu cầu anh Đ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về nguồn thu nhập nhưng cho đến ngày xét xử anh Đ vẫn không cung cấp được cho Tòa án. Chị C có chỗ ở, chứng minh được thu nhập ổn định, trung bình khoảng 15.000.000 đồng/tháng, mặt khác cháu T là con gái, còn nhỏ tuổi nên giao cháu T cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nên cần chấp nhận yêu cầu của chị C, giao cháu T cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị C tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, ruộng canh tác: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đây là sự tự nguyện của các bên đương sự nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc gia quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị C, xử cho chị Bùi Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Thế Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Diệu T, sinh ngày 20/12/2015 cho chị Bùi Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Thế Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị C.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Thế Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, ruộng canh tác: Các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2016/0003896, ngày 02/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, chị C đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện P
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Mạnh Quyền